

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1    Cán bộ coi thi 2    G.Viên chấm thi 1    G.Viên chấm thi 2

GVGD: Phạm Văn Mạnh

Môn học: Tiếng Anh 3 (22460305) (Vấn đáp)

Ngày thi: 21/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi: .....

| STT | Mã SV      | Họ và Tên           | Ngày sinh  | Mã lớp    | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | D.QT (40%) | D.Thi | Điểm HP |
|-----|------------|---------------------|------------|-----------|-------------|-----------|------------|-------|---------|
| 1   | 2122110581 | Phan Thanh Bình     | 01/05/2004 | CCQ2211LA |             | Bình      | 9.8        | 7.0   |         |
| 2   | 2122110429 | Nguyễn Thành Công   | 01/02/2004 | CCQ2211LA |             | Con       | 7.0        | 6.0   |         |
| 3   | 2122110430 | Võ Thành Đạt        | 21/07/2004 | CCQ2211LA |             | Đạt       | 7.2        | 7.2   |         |
| 4   | 2122110428 | Nguyễn Võ Tấn Dũng  | 12/06/2004 | CCQ2211LA |             | Dũng      | 8.1        | 6.0   |         |
| 5   | 2122110420 | Nguyễn Trường Giang | 22/04/2004 | CCQ2211LA |             | Giang     | 8.3        | 7.0   |         |
| 6   | 2122110556 | Trần Thanh Hải      | 11/02/2004 | CCQ2211LA |             | Hải       | 9.8        | 7.4   |         |
| 7   | 2122110421 | Lý Minh Hậu         | 13/01/2004 | CCQ2211LA |             | Hậu       | 7.8        | 5.1   |         |
| 8   | 2122110431 | Trần Thị Hiền       | 01/06/2004 | CCQ2211LA |             | Huê       | 9.5        | 8.7   |         |
| 9   | 2122110435 | Nguyễn Công Hoàng   | 20/03/2004 | CCQ2211LA |             | Hoàng     | 5.3        | 6.5   |         |
| 10  | 2122110422 | Huỳnh Quốc Huy      | 30/03/2004 | CCQ2211LA |             | Huy       | 7.5        | 4.4   |         |
| 11  | 2122040014 | Nguyễn Quang Huy    | 02/04/2004 | CCQ2211LA |             | Huy       | 8.9        | 7.0   |         |
| 12  | 2122110424 | Lê Tấn Xuân Khang   | 03/10/2004 | CCQ2211LA |             | Khang     | 8.7        | 5.7   |         |
| 13  | 2122110415 | Dương Công Long     | 02/02/2004 | CCQ2211LA |             | Long      | 9.9        | 7.4   |         |
| 14  | 2122110432 | Hồ Trung Nhật       | 06/02/2004 | CCQ2211LA |             | Nhật      | 4.7        | 4.1   |         |
| 15  | 2122110417 | Nguyễn Ngọc Phi     | 20/03/2004 | CCQ2211LA |             | Phi       | 9.1        | 6.5   |         |
| 16  | 2122110418 | Võ Thị Huỳnh Phương | 01/02/2004 | CCQ2211LA |             | Phương    | 9.8        | 8.0   |         |
| 17  | 2122110423 | Hoàng Công Sơn      | 09/05/2004 | CCQ2211LA |             | Sơn       | 0.0        | ✓     | ✓       |
| 18  | 2122110427 | Nguyễn Long Thịnh   | 19/02/1994 | CCQ2211LA |             | Thịnh     | 7.9        | 7.0   |         |
| 19  | 2122110426 | Nguyễn Phú Thịnh    | 22/04/2004 | CCQ2211LA |             | Thịnh     | 8.2        | 6.1   |         |
| 20  | 2122110425 | Võ Trần Quốc Toàn   | 25/10/2004 | CCQ2211LA |             | Toàn      | 8.3        | 6.3   |         |
| 21  | 2122110419 | Nguyễn Minh Trí     | 23/09/2004 | CCQ2211LA |             | Trí       | 8.1        | 6.9   |         |
| 22  | 2122110433 | Phạm Quốc Chí Vỹ    | 31/10/2004 | CCQ2211LA |             | Vỹ        | 6.3        | 4.4   |         |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

G.VGD: Phạm Văn Mạnh  
Môn học: Tiếng Anh 3 (22460305) (Viết)

Ngày thi: 26/08/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-31

Số SV có mặt: 21...

Số bài thi: ...21...

Số tờ giấy thi: 21

| STT | Mã SV      | Họ và Tên           | Ngày sinh  | Mã lớp    | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi Việt | Điểm HP |
|-----|------------|---------------------|------------|-----------|-------------|-----------|------------|------------|---------|
| 1   | 2122110581 | Phan Thanh Bình     | 01/05/2004 | CCQ2211LA | 493         |           | 9.8        | 78         |         |
| 2   | 2122110429 | Nguyễn Thành Công   | 01/02/2004 | CCQ2211LA | 169         |           | 7.0        | 32         |         |
| 3   | 2122110430 | Võ Thành Đạt        | 21/07/2004 | CCQ2211LA | 245         |           | 7.2        | 33         |         |
| 4   | 2122110428 | Nguyễn Võ Tấn Dũng  | 12/06/2004 | CCQ2211LA | 326         |           | 8.1        | 50         |         |
| 5   | 2122110420 | Nguyễn Trường Giang | 22/04/2004 | CCQ2211LA | 493         |           | 8.3        | 52         |         |
| 6   | 2122110556 | Trần Thanh Hải      | 11/02/2004 | CCQ2211LA | 169         |           | 9.8        | 82         |         |
| 7   | 2122110421 | Lý Minh Hậu         | 13/01/2004 | CCQ2211LA | 245         |           | 7.8        | 45         |         |
| 8   | 2122110431 | Trần Thị Hiền       | 01/06/2004 | CCQ2211LA | 169         |           | 9.5        | 65         |         |
| 9   | 2122110435 | Nguyễn Công Hoàng   | 20/03/2004 | CCQ2211LA | 245         |           | 5.3        | 45         |         |
| 10  | 2122110422 | Huỳnh Quốc Huy      | 30/03/2004 | CCQ2211LA | 326         |           | 7.5        | 56         |         |
| 11  | 2122040014 | Nguyễn Quang Huy    | 02/04/2004 | CCQ2211LA | 493         |           | 8.9        | 51         |         |
| 12  | 2122110424 | Lê Tấn Xuân Khang   | 03/10/2004 | CCQ2211LA | 169         |           | 8.7        | 59         |         |
| 13  | 2122110415 | Dương Công Long     | 02/02/2004 | CCQ2211LA | 245         |           | 9.9        | 80         |         |
| 14  | 2122110432 | Hồ Trung Nhật       | 06/02/2004 | CCQ2211LA | 326         |           | 4.7        | 26         |         |
| 15  | 2122110417 | Nguyễn Ngọc Phi     | 20/03/2004 | CCQ2211LA | 326         |           | 9.1        | 76         |         |
| 16  | 2122110418 | Võ Thị Huỳnh Phương | 01/02/2004 | CCQ2211LA | 493         |           | 9.8        | 76         |         |
| 17  | 2122110423 | Hoàng Công Sơn      | 09/05/2004 | CCQ2211LA | -           | -         | 0.0        | ✓          |         |
| 18  | 2122110427 | Nguyễn Long Thịnh   | 19/02/1994 | CCQ2211LA | 245         |           | 7.9        | 49         |         |
| 19  | 2122110426 | Nguyễn Phú Thịnh    | 22/04/2004 | CCQ2211LA | 326         |           | 8.2        | 41         |         |
| 20  | 2122110425 | Võ Trần Quốc Toàn   | 25/10/2004 | CCQ2211LA | 493         |           | 8.3        | 36         |         |
| 21  | 2122110419 | Nguyễn Minh Trí     | 23/09/2004 | CCQ2211LA | 169         |           | 8.1        | 48         |         |
| 22  | 2122110433 | Phạm Quốc Chí Vỹ    | 31/10/2004 | CCQ2211LA | 493         |           | 6.3        | 39         |         |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

24

Cán bộ coi thi 1    Cán bộ coi thi 2    G.Viên chấm thi 1    G.Viên chấm thi 2

GVGD: Phạm Văn Mạnh  
Môn học: Tiếng Anh 3 (22460305) *Tổng hợp (Viết + Vấn đáp)*

Ngày thi: ..... Số SV có mặt: 21.

Giờ thi: ..... Số bài thi: .....

Phòng thi: ..... Số tờ giấy thi: .....

D: 20  
H: 1

*Phạm Thị Hương*  
*P. U. Mal*

| STT | Mã SV      | Họ và Tên           | Ngày sinh  | Mã lớp    | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | D.QT (40%) | D.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|---------------------|------------|-----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2122110581 | Phan Thanh Bình     | 01/05/2004 | CCQ2211LA |             | Bình      | 9.8        | 74          | 84      |
| 2   | 2122110429 | Nguyễn Thành Công   | 01/02/2004 | CCQ2211LA |             | Con       | 7.0        | 46          | 56      |
| 3   | 2122110430 | Võ Thành Đạt        | 21/07/2004 | CCQ2211LA |             | Đạt       | 7.2        | 53          | 61      |
| 4   | 2122110428 | Nguyễn Võ Tấn Dũng  | 12/06/2004 | CCQ2211LA |             | Đũng      | 8.1        | 55          | 65      |
| 5   | 2122110420 | Nguyễn Trường Giang | 22/04/2004 | CCQ2211LA |             | Giang     | 8.3        | 61          | 70      |
| 6   | 2122110556 | Trần Thanh Hải      | 11/02/2004 | CCQ2211LA |             | Hải       | 9.8        | 78          | 86      |
| 7   | 2122110421 | Lý Minh Hậu         | 13/01/2004 | CCQ2211LA |             | Hậu       | 7.8        | 48          | 60      |
| 8   | 2122110431 | Trần Thị Hiền       | 01/06/2004 | CCQ2211LA |             | Huê       | 9.5        | 76          | 84      |
| 9   | 2122110435 | Nguyễn Công Hoàng   | 20/03/2004 | CCQ2211LA |             | Huân      | 5.3        | 55          | 54      |
| 10  | 2122110422 | Huỳnh Quốc Huy      | 30/03/2004 | CCQ2211LA |             | Huỳnh     | 7.5        | 50          | 60      |
| 11  | 2122040014 | Nguyễn Quang Huy    | 02/04/2004 | CCQ2211LA |             | Huy       | 8.9        | 61          | 72      |
| 12  | 2122110424 | Lê Tấn Xuân Khang   | 03/10/2004 | CCQ2211LA |             | Khang     | 8.7        | 58          | 70      |
| 13  | 2122110415 | Dương Công Long     | 02/02/2004 | CCQ2211LA |             | Long      | 9.9        | 82          | 89      |
| 14  | 2122110432 | Hồ Trung Nhật       | 06/02/2004 | CCQ2211LA |             | Nhật      | 4.7        | 34          | 39      |
| 15  | 2122110417 | Nguyễn Ngọc Phi     | 20/03/2004 | CCQ2211LA |             | Phi       | 9.1        | 71          | 80      |
| 16  | 2122110418 | Võ Thị Huỳnh Phương | 01/02/2004 | CCQ2211LA |             | Phu       | 9.8        | 78          | 86      |
| 17  | 2122110423 | Hoàng Công Sơn      | 09/05/2004 | CCQ2211LA |             | Sơn       | 0.0        | ✓           | ✓       |
| 18  | 2122110427 | Nguyễn Long Thịnh   | 19/02/1994 | CCQ2211LA |             | Thịnh     | 7.9        | 60          | 68      |
| 19  | 2122110426 | Nguyễn Phú Thịnh    | 22/04/2004 | CCQ2211LA |             | Thịnh     | 8.2        | 51          | 63      |
| 20  | 2122110425 | Võ Trần Quốc Toàn   | 25/10/2004 | CCQ2211LA |             | Toàn      | 8.3        | 50          | 64      |
| 21  | 2122110419 | Nguyễn Minh Trí     | 23/09/2004 | CCQ2211LA |             | Trí       | 8.1        | 59          | 69      |
| 22  | 2122110433 | Phạm Quốc Chí Vỹ    | 31/10/2004 | CCQ2211LA |             | Vỹ        | 6.3        | 42          | 50      |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 3 (2022-2023)

14

GVGD: Hồng Thắng Hoàng

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 25/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 15

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi: .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

| STT | Mã SV                 | Họ và Tên                  | Ngày sinh             | Mã lớp              | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|-----------------------|----------------------------|-----------------------|---------------------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2121170200            | Huỳnh Quốc An              | 04/11/2003            | CCQ2117F            |             | An        | 6.9        | 48          | 5.6     |
| 2   | 2121170551            | Phạm Quốc An               | 12/01/2003            | CCQ2117P            |             | An        | 7.3        | 52          | 6.0     |
| 3   | <del>2122170291</del> | <del>Võ Quang Bửu</del>    | <del>08/12/2004</del> | <del>CCQ2217H</del> |             |           | 0.0        |             |         |
| 4   | 2121170083            | Nguyễn Thanh Đạt           | 27/06/2003            | CCQ2117C            |             | Dat       | 7.4        | 47          | 5.8     |
| 5   | 2121100326            | Nguyễn Thị Diễm            | 26/04/2003            | CCQ2110J            |             | Diễm      | 7.9        | 72          | 7.5     |
| 6   | 2121170099            | Nguyễn Văn Dự              | 03/01/2001            | CCQ2117C            |             | Du        | 6.0        | 45          | 5.4     |
| 7   | 2121170276            | Đào Minh Đức               | 12/05/2003            | CCQ2117H            |             | Huc       | 6.0        | 50          | 5.4     |
| 8   | <del>2121170086</del> | <del>Nguyễn Minh Hải</del> | <del>27/09/2003</del> | <del>CCQ2117C</del> |             |           | 0.0        |             |         |
| 9   | 2121170081            | Nguyễn Quốc Hải            | 06/02/2003            | CCQ2117C            |             | Hai       | 6.7        | 55          | 6.0     |
| 10  | 2121170199            | Nguyễn Quốc Hải            | 25/08/2003            | CCQ2117F            |             | Hai       | 6.0        | 36          | 4.6     |
| 11  | 2121170073            | Dương Văn Hậu              | 08/07/2003            | CCQ2117C            |             | Hau       | 6.9        | 78          | 7.4     |
| 12  | 2121170078            | Trần Hữu Hậu               | 01/12/2003            | CCQ2117C            |             | Hau       | 7.5        | 72          | 7.3     |
| 13  | 2121170179            | Lê Nhật Hưng               | 02/08/2003            | CCQ2117F            |             | Hung      | 6.2        | 36          | 4.6     |
| 14  | 2121170204            | Hà Vũ Kha                  | 06/04/2003            | CCQ2117F            |             | Kha       | 7.2        | 60          | 6.5     |
| 15  | 2120090010            | Nguyễn Minh Khôi           | 16/12/2002            | CCQ2009A            |             | Khoi      | 6.1        | 50          | 5.4     |
| 16  | 2121100243            | Phan Thị Khánh Linh        | 20/06/2003            | CCQ2110G            |             | Linh      | 9.0        | 80          | 8.4     |
| 17  | 2121170642            | Lê Thành Long              | 22/12/2003            | CCQ2117C            |             | Long      | 6.6        | 64          | 6.5     |
| 18  | <del>2120050012</del> | <del>Hồ Nhật Nam</del>     | <del>17/12/2002</del> | <del>CCQ2005A</del> |             |           | 0.0        |             |         |
| 19  | 2122170294            | Nguyễn Hoàng Nam           | 13/09/2004            | CCQ2217H            |             | Nam       | 8.4        | 75          | 7.9     |
| 20  | 2121200164            | Nguyễn Ngọc Bảo Ngân       | 23/01/2003            | CCQ2120E            |             | Ngan      | 9.4        | 80          | 8.6     |
| 21  | 2121100264            | Phạm Thị Ngọc              | 13/05/2003            | CCQ2110H            |             | Ngoc      | 6.7        | 49          | 5.7     |
| 22  | 2121170082            | Bùi Dương Xuân Nguyên      | 21/02/2003            | CCQ2117C            |             | Xuan      | 7.6        | 74          | 7.5     |
| 23  | 2121170080            | Lê Thanh Nhân              | 14/03/2003            | CCQ2117C            |             | Nhan      | 6.4        | 59          | 6.1     |
| 24  | 2121170207            | Lê Anh Nhật                | 06/10/2003            | CCQ2117F            |             | Nhat      | 7.2        | 47          | 5.7     |
| 25  | 2121120572            | Ngô Thị Huỳnh Như          | 19/04/2003            | CCQ2112Q            |             | Nhu       | 8.4        | 70          | 7.6     |
| 26  | 2122170284            | Lê Tuấn Phát               | 12/02/2004            | CCQ2217H            |             | Phat      | 6.3        | 72          | 6.8     |
| 27  | 2121170098            | Nguyễn Tiến Phát           | 08/06/2003            | CCQ2117C            |             | Phat      | 6.8        | 53          | 5.9     |
| 28  | 2121170097            | Nguyễn Hoàng Phúc          | 27/08/2003            | CCQ2117C            |             | Phuc      | 6.9        | 55          | 6.1     |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 25/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 48

Số bài thi: 48

Số tờ giấy thi: 48

N.H.T. Văn

N.H.T. Văn

| STT | Mã SV                 | Họ và Tên                    | Ngày sinh             | Mã lớp              | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | D.QT (40%) | D.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|-----------------------|------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 29  | 2120050054            | Trương Bình Phước            | 18/05/2001            | CCQ2005B            |             | phước     | 6.0        | 17          | 3,4     |
| 30  | 2121170079            | Đoàn Minh Quân               | 12/11/2003            | CCQ2117C            |             | Quân      | 6.0        | 51          | 5,5     |
| 31  | 2121170208            | Lê Văn Quân                  | 11/11/2003            | CCQ2117F            |             | Quân      | 7.2        | 55          | 6,2     |
| 32  | 2122170276            | Nguyễn Đăng Quang            | 26/09/1998            | CCQ2217G            |             | Quang     | 6.5        | 72          | 6,9     |
| 33  | 2121170187            | Huỳnh Anh Quỳnh              | 11/06/2003            | CCQ2117F            |             | Quỳnh     | 6.7        | 74          | 7,1     |
| 34  | 2122170250            | Nguyễn Thanh Sang            | 09/05/2004            | CCQ2217G            |             | Sang      | 7.7        | 82          | 8,0     |
| 35  | 2122170317            | Nguyễn Huỳnh Đức Sanh        | 16/08/2004            | CCQ2217H            |             | Sanh      | 6.5        | 48          | 5,5     |
| 36  | 2121170076            | Lê Trọng Tài                 | 14/11/2003            | CCQ2117C            |             | Tài       | 7.2        | 66          | 6,8     |
| 37  | 2121170087            | Huỳnh Thanh Tâm              | 20/11/2003            | CCQ2117C            |             | Tâm       | 6.6        | 53          | 5,8     |
| 38  | <del>2121170243</del> | <del>Trương Minh Tâm</del>   | <del>24/07/2003</del> | <del>CCQ2117G</del> |             |           | 0.0        |             |         |
| 39  | 2121170205            | Đào Văn Tấn                  | 19/07/2003            | CCQ2117F            |             | Tấn       | 6.0        | 73          | 6,8     |
| 40  | 2121100212            | Đỗ Thị Thảo                  | 13/01/2000            | CCQ2110G            |             | Thảo      | 7.4        | 87          | 8,2     |
| 41  | 2121170203            | Nguyễn Hoàng Thiện           | 19/01/2003            | CCQ2117F            |             | Thiện     | 7.0        | 88          | 8,1     |
| 42  | 2121120576            | Nguyễn Thị Thanh Thúy        | 28/07/2003            | CCQ2112Q            |             | Thúy      | 7.8        | 79          | 7,9     |
| 43  | 2121100327            | Lê Thị Trang                 | 09/02/1998            | CCQ2110J            |             | Trang     | 7.9        | 76          | 7,7     |
| 44  | <del>2120170592</del> | <del>Trần Hoàng Trường</del> | <del>08/08/2002</del> | <del>CCQ2017Q</del> |             |           | 0.0        |             |         |
| 45  | 2121170084            | Đinh Văn Tuấn                | 08/12/2003            | CCQ2117C            |             | Tuấn      | 6.4        | 58          | 6,0     |
| 46  | 2121170077            | Đoàn Quốc Việt               | 13/08/2003            | CCQ2117C            |             | Việt      | 7.0        | 66          | 6,8     |
| 47  | 2120050096            | Đạt Đại Hoàng Vũ             | 17/07/2002            | CCQ2005C            |             | Vũ        | 6.0        | 2           | 2,4     |
| 48  | 2121170209            | Nguyễn Hữu Vũ                | 20/10/2003            | CCQ2117F            |             | Vũ        | 6.0        | 40          | 4,8     |
| 49  | 2121100242            | Nguyễn Ngọc Thảo Vy          | 14/03/2003            | CCQ2110G            |             | Vy        | 8.7        | 82          | 8,4     |
| 50  | 2121120569            | Lê Thị Thanh Xuân            | 02/05/2003            | CCQ2112Q            |             | Xuân      | 7.5        | 70          | 7,2     |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 3 (2022-2023)

15

GKGD: Phạm Văn Mạnh

H: 43  
H: 0

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401602)

Ngày thi: 25/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 43

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi: .....

| STT | Mã SV      | Họ và Tên             | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | D.QT (40%) | D.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|-----------------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2121270107 | Quách Hưng Bảo        | 13/09/2003 | CCQ2127D |             |           | 7.0        | 81          | 77      |
| 2   | 2121030065 | Phạm Hồng Chính       | 02/05/2003 | CCQ2103B |             |           | 7.0        | 73          | 72      |
| 3   | 2121260088 | Phạm Thanh Cường      | 30/11/2002 | CCQ2122A |             |           | 8.0        | 80          | 80      |
| 4   | 2121210019 | Trịnh Thị Huỳnh Đào   | 19/03/2003 | CCQ2121A |             |           | 6.3        | 86          | 77      |
| 5   | 2122120147 | Trần Thị Hồng Giang   | 08/11/2004 | CCQ2212E |             |           | 7.6        | 87          | 83      |
| 6   | 2118180021 | Lê Xuân Hiệp          | 06/06/2000 | CCQ1818A |             |           | 7.0        | 41          | 53      |
| 7   | 2121120229 | Đặng Văn Hưng         | 28/01/2001 | CCQ2112G |             |           | 9.1        | 89          | 90      |
| 8   | 2122170249 | Huỳnh Vĩnh Hưng       | 02/10/2004 | CCQ2217G |             |           | 9.4        | 89          | 91      |
| 9   | 2121120534 | Lê Thị Ngọc Hương     | 12/04/2003 | CCQ2121B |             |           | 7.6        | 80          | 78      |
| 10  | 2121220009 | Vũ Quang Huy          | 13/07/2003 | CCQ2122A |             |           | 9.5        | 88          | 91      |
| 11  | 2121100237 | Trần Thị Thúy Kiều    | 29/05/2003 | CCQ2110G |             |           | 8.4        | 84          | 84      |
| 12  | 2121100247 | Lê Thị Ngọc Lam       | 18/01/2003 | CCQ2110H |             |           | 4.8        | 76          | 65      |
| 13  | 2122120441 | Bùi Thị Mỹ Linh       | 04/06/2004 | CCQ2212F |             |           | 7.9        | 79          | 79      |
| 14  | 2121130004 | Trương Thị Thanh Loan | 28/06/2003 | CCQ2113A |             |           | 8.1        | 58          | 67      |
| 15  | 2120030050 | Nguyễn Tấn Lộc        | 23/01/2002 | CCQ2003B |             |           | 5.9        | 90          | 78      |
| 16  | 2121260100 | Lê Thị Nguyễn Ly      | 05/01/2003 | CCQ2126C |             |           | 7.6        | 85          | 81      |
| 17  | 2121130014 | Nguyễn Triệu Mẫn      | 15/11/2003 | CCQ2113A |             |           | 8.7        | 82          | 84      |
| 18  | 2121170381 | Đỗ Tấn Hoàng Minh     | 27/08/2003 | CCQ2117K |             |           | 0.0        |             |         |
| 19  | 2121220018 | Huỳnh Văn Mỹ          | 20/09/2002 | CCQ2122A |             |           | 8.8        | 76          | 81      |
| 20  | 2122120139 | Trần Hoàng Như        | 28/03/2004 | CCQ2212D |             |           | 9.5        | 73          | 82      |
| 21  | 2121130002 | Cao Hoài Nữ           | 20/07/2003 | CCQ2113A |             |           | 7.2        | 53          | 61      |
| 22  | 2120120135 | Nguyễn Mai Phương     | 02/02/2002 | CCQ2012D |             |           | 8.7        | 92          | 90      |
| 23  | 2121120032 | Nguyễn Đình Anh Quang | 01/06/1999 | CCQ2112A |             |           | 0.0        |             |         |
| 24  | 2121120561 | Phạm Thị Như Quỳnh    | 01/10/2003 | CCQ2112Q |             |           | 9.0        | 92          | 91      |
| 25  | 2121170533 | Trương Tấn Tài        | 26/02/2003 | CCQ2117P |             |           | 0.0        |             |         |
| 26  | 2122120081 | Trần Thanh Thanh      | 29/11/2004 | CCQ2212C |             |           | 9.7        | 75          | 84      |
| 27  | 2121120580 | Bùi Lê Bích Thảo      | 14/11/2003 | CCQ2112Q |             |           | 9.0        | 92          | 91      |
| 28  | 2121120636 | Đặng Thị Kim Thoa     | 22/06/2003 | CCQ2112R |             |           | 6.3        | 65          | 64      |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Môn học: Anh văn 3 (22401602)

Ngày thi: 25/08/2023

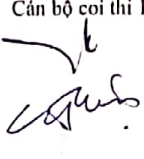
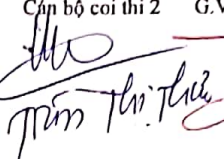
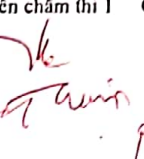
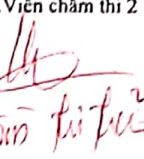
Giờ thi: 9g45

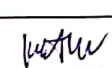
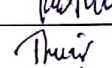
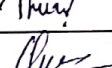
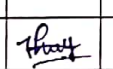
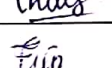
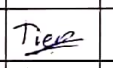
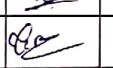
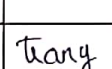
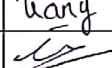
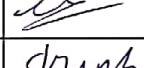
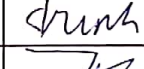
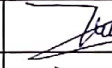
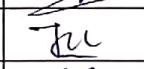
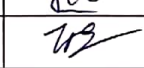
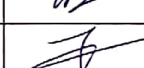
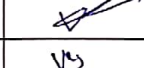
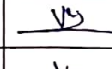
Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 43

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi: .....

Cán bộ coi thi 1:  Cán bộ coi thi 2:  G.Viên chấm thi 1:  G.Viên chấm thi 2: 

| STT | Mã SV      | Họ và Tên         | Ngày sinh | Mã lớp     | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV                                                                             | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|-------------------|-----------|------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|---------|
| 29  | 2121210056 | Phạm Thị Kim      | Thoa      | 27/02/2002 | CCQ2121B    |    | 8.5        | 88          | 87      |
| 30  | 2121220011 | Trịnh Văn         | Thuận     | 25/09/2002 | CCQ2122A    |    | 7.9        | 84          | 82      |
| 31  | 2121120295 | Phan Thị Ngọc     | Thương    | 30/09/2003 | CCQ2112I    |    | 6.5        | 83          | 76      |
| 32  | 2121130007 | Hoàng Thị Lệ      | Thùy      | 13/08/2003 | CCQ2113A    |     | 8.5        | 82          | 83      |
| 33  | 2121100279 | Nguyễn Thị Mỹ     | Tiên      | 06/06/2003 | CCQ2110H    |    | 5.4        | 60          | 58      |
| 34  | 2122210192 | Võ Thị Kiều       | Tiên      | 08/01/2004 | CCQ2221E    |     | 8.7        | 89          | 88      |
| 35  | 2122210022 | Trần Thị Nhà      | Trân      | 18/03/2003 | CCQ2221E    |     | 8.6        | 90          | 88      |
| 36  | 2121270103 | Đặng Thị Mỹ       | Trang     | 21/12/2003 | CCQ2127C    |   | 6.3        | 41          | 50      |
| 37  | 2121220016 | Võ Minh           | Trí       | 26/10/2003 | CCQ2122A    |   | 9.8        | 90          | 93      |
| 38  | 2119120136 | Nguyễn Tiền Thuận | Trình     | 10/10/2001 | CCQ1912D    |  | 5.2        | 48          | 50      |
| 39  | 2122120421 | Đỗ Thanh          | Trúc      | 18/06/2003 | CCQ2212M    |  | 10.0       | 97          | 98      |
| 40  | 2121100275 | Tô Thị Cẩm        | Tú        | 13/12/2003 | CCQ2110H    |  | 8.0        | 70          | 74      |
| 41  | 2121260087 | Phan Vĩnh         | Tường     | 16/04/2002 | CCQ2122A    |  | 7.2        | 86          | 80      |
| 42  | 2122120475 | Nguyễn Thắm       | Viên      | 15/02/2004 | CCQ2212N    |  | 9.3        | 96          | 95      |
| 43  | 2121260016 | Nguyễn Hoàng      | Vũ        | 15/10/2002 | CCQ2126A    |  | 9.1        | 92          | 92      |
| 44  | 2121120092 | Nguyễn Ngọc Tường | Vy        | 27/10/2003 | CCQ2112C    |  | 5.6        | 71          | 65      |
| 45  | 2122120175 | Phan Thị Lan      | Vy        | 30/09/2004 | CCQ2212F    |  | 8.6        | 84          | 85      |
| 46  | 2121210033 | Phạm Thị Như      | Ý         | 22/02/2003 | CCQ2121A    |  | 6.6        | 40          | 50      |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 3 (2022-2023)

16

Đ: 43  
R: 01

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

GVGD: *Phường Thị Hè*

Môn học: Anh văn 3 (22401603)

Ngày thi: 25/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: *44*

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi: .....

*Phan T. Thu*

*Phan T. Thu*

*Phan T. Thu*

*Phan T. Thu*

| STT | Mã SV                 | Họ và Tên                  | Ngày sinh             | Mã lớp              | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV              | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP              |
|-----|-----------------------|----------------------------|-----------------------|---------------------|-------------|------------------------|------------|-------------|----------------------|
| 1   | 2121200141            | Lương Hoàng Anh            | 11/03/2003            | CCQ2120LA           |             | <i>M</i>               | 8.3        | 77          | 7.9                  |
| 2   | 2121202002            | Lê Công Chuẩn              | 03/11/2002            | CCQ2120LA           |             | <i>Chu</i>             | 7.5        | 65          | 6.9                  |
| 3   | 2121110230            | Nguyễn Tiến Đạt            | 04/09/2002            | CCQ2111G            |             | <i>Đat</i>             | 5.3        | 77          | 6.7                  |
| 4   | 2122120395            | Lê Thị Thúy Diễm           | 01/01/2001            | CCQ2212L            |             | <i>Di</i>              | 6.4        | 79          | 7.3                  |
| 5   | 2121120284            | Nguyễn Thị Thanh Diệp      | 28/07/2003            | CCQ2112I            |             | <i>Th</i>              | 7.7        | 66          | 7.0                  |
| 6   | 2121120071            | Trần Văn Đức               | 20/01/2003            | CCQ2112C            |             | <i>Đuc</i>             | 5.9        | 74          | 6.8                  |
| 7   | 2121270067            | Nguyễn Vũ Trường Giang     | 03/06/2003            | CCQ2127B            |             | <i>Giang</i>           | 7.1        | 69          | 7.0                  |
| 8   | <del>2121110275</del> | <del>Huỳnh Ngọc Hà</del>   | <del>24/05/2003</del> | <del>CCQ2111H</del> |             |                        | 0.0        |             |                      |
| 9   | 2122120563            | Nguyễn Thị Ngọc Hân        | 08/12/2003            | CCQ2212P            |             | <i>hân</i>             | 7.6        | 88          | 8.3                  |
| 10  | 2121260080            | Lê Thị Hạnh                | 05/02/2003            | CCQ2126C            |             | <i>hanh</i>            | 6.6        | 66          | 6.6                  |
| 11  | 2120170052            | Nguyễn Vũ Hào              | 28/11/2002            | CCQ2011J            |             | <i>Hào</i>             | 7.0        | 36          | 5.0                  |
| 12  | 2121270035            | Dương Phước Hậu            | 14/08/2003            | CCQ2127A            |             | <i>Hau</i>             | 7.7        | 72          | 7.4                  |
| 13  | 2121100005            | Nguyễn Cao Hậu             | 13/04/2003            | CCQ2110A            |             | <i>Hau</i>             | 6.8        | 87          | 7.9                  |
| 14  | 2121240130            | Thiên Thị Hồ               | 09/12/2002            | CCQ2119C            |             | <i>Hu</i>              | 6.3        | 74          | 7.0                  |
| 15  | 2121180096            | Nguyễn Thanh Hoàng         | 10/02/2003            | CCQ2118C            |             | <i>Hoang</i>           | 6.7        | 78          | 7.4                  |
| 16  | 2121120149            | Ngô Kim Huệ                | 12/12/2003            | CCQ2112E            |             | <i>Hu</i>              | 8.3        | 3.8         | 5.6                  |
| 17  | 2121200014            | Lê Vĩnh Hưng               | 07/08/2003            | CCQ2120A            |             | <i>Hung</i>            | 7.5        | 76          | 7.6                  |
| 18  | <del>2121120459</del> | <del>Thành Việt Hưng</del> | <del>06/03/2003</del> | <del>CCQ2112N</del> |             |                        | 0.0        |             |                      |
| 19  | 2121180072            | Huỳnh Trúc Khoang          | 25/05/2003            | CCQ2118C            |             | <i>Khoang</i>          | 6.0        | 56          | 5.8                  |
| 20  | 2121180058            | Phan Nhật Linh             | 27/04/2003            | CCQ2118B            |             | <i>Linh</i>            | 6.0        | 67          | 6.4                  |
| 21  | 2121110097            | Nguyễn Văn Lộc             | 25/09/2003            | CCQ2112R            |             | <i>Loc</i>             | 6.8        | 60          | 6.3                  |
| 22  | 2120120163            | Dặng Trúc Ly               | 20/10/2002            | CCQ2012E            |             | <i>Ly</i>              | 7.3        | 52          | 6.0                  |
| 23  | 2122190030            | Ninh Thị Nga               | 11/02/2004            | CCQ2207B            |             | <i>Nga</i>             | 6.0        | 51          | 5.5                  |
| 24  | 2121260093            | Nguyễn Thị Tuyết Ngân      | 26/02/2003            | CCQ2126C            |             | <i>Ngan</i>            | 7.1        | 76          | 7.4                  |
| 25  | 2122200185            | Phan Thị Ánh Nguyệt        | 06/09/2004            | CCQ2220F            |             | <i>Nguyet</i>          | 8.3        | 82          | 8.2                  |
| 26  | 2122170005            | Cao Văn Phúc               | 09/06/2000            | CCQ2212N            |             | <i>Phuc</i>            | 9.0        | 76          | 8.2                  |
| 27  | 2121120294            | Nguyễn Thị Như Quỳnh       | 28/07/2003            | CCQ2112I            |             | <i>Quynh</i>           | 7.9        | 67          | 7.2                  |
| 28  | 2120120168            | Võ Thị Như Quỳnh           | 14/02/2002            | CCQ2012E            |             | <i>Bị đình chủ thi</i> | 6.5        | 0.0         | <i>Mở ngu thi li</i> |

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1    Cán bộ coi thi 2    G.Viên chấm thi 1    G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401603)

Ngày thi: 25/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 44.

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi: .....

| STT | Mã SV      | Họ và Tên       | Ngày sinh | Mã lớp     | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|-----------------|-----------|------------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 29  | 2121060011 | Hà Ngọc         | Sáng      | 22/03/2003 | CCQ2106A    |           | 6.0        | 46          | 5.2     |
| 30  | 2121110348 | Trịnh Công      | Son       | 12/11/2001 | CCQ2111J    |           | 6.5        | 70          | 6.8     |
| 31  | 2121170379 | Nguyễn Trung    | Thành     | 08/03/2003 | CCQ2117K    |           | 6.4        | 66          | 6.5     |
| 32  | 2121122015 | Bùi Nhựt Phương | Thảo      | 08/08/2003 | CCQ2120LA   |           | 8.4        | 86          | 8.5     |
| 33  | 2121200148 | Đặng Nguyễn Thu | Thảo      | 17/08/2003 | CCQ2120LA   |           | 9.3        | 67          | 7.7     |
| 34  | 2121180079 | Kiều Quốc       | Thọ       | 24/06/2003 | CCQ2118C    |           | 6.3        | 44          | 5.2     |
| 35  | 2121030053 | Ngô Đức         | Thuận     | 13/12/2003 | CCQ2103B    |           | 8.0        | 66          | 7.2     |
| 36  | 2122120367 | Hoàng Thị       | Thương    | 02/02/2004 | CCQ2212K    |           | 6.0        | 74          | 6.8     |
| 37  | 2121180069 | Hoàng Văn       | Tiến      | 07/07/2003 | CCQ2118B    |           | 6.7        | 71          | 6.9     |
| 38  | 2121270030 | Trần Thị Bảo    | Trần      | 27/06/2003 | CCQ2127A    |           | 8.2        | 42          | 5.8     |
| 39  | 2121030036 | Miêu Văn        | Trên      | 20/10/2001 | CCQ2103B    |           | 7.4        | 66          | 6.9     |
| 40  | 2121170400 | Nguyễn Đăng     | Trung     | 04/09/2003 | CCQ2117L    |           | 6.0        | 68          | 6.5     |
| 41  | 2121270051 | Trần Ngọc       | Trường    | 26/07/2003 | CCQ2127B    |           | 8.5        | 88          | 8.7     |
| 42  | 2120170491 | Nguyễn Văn      | Tuấn      | 25/08/2002 | CCQ2017N    |           | 6.0        | 49          | 5.3     |
| 43  | 2121180077 | Nguyễn Minh     | Tuyền     | 18/06/2003 | CCQ2118C    |           | 6.5        | 83          | 7.6     |
| 44  | 2121180081 | Dương Quốc      | Việt      | 06/01/2003 | CCQ2118C    |           | 6.0        | 58          | 5.9     |
| 45  | 2121270082 | Huỳnh Tuấn      | Vũ        | 11/10/2003 | CCQ2127C    |           | 7.2        | 46          | 5.6     |
| 46  | 2121120306 | Lê Thị Thanh    | Vy        | 21/11/2003 | CCQ2112I    |           | 6.9        | 55          | 6.1     |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 3 (2022-2023)

(17)

GVGD: Trần Thị Ái Hương

A: 45  
H: 0

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401604)

Ngày thi: 25/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 45

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi: .....

| STT | Mã SV      | Họ và Tên               | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|-------------------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2122170232 | Đào Hữu An              | 03/03/1998 | CCQ2217F |             |           | 9.0        | 8.1         | 8.5     |
| 2   | 2121110121 | Đỗ Hoài Bảo             | 21/11/2003 | CCQ2111D |             |           | 8.0        | 6.4         | 7.0     |
| 3   | 2121110105 | Nguyễn Thanh Bình       | 29/06/2003 | CCQ2111C |             |           | 8.3        | 6.8         | 7.4     |
| 4   | 2121170339 | Nguyễn Minh Cảnh        | 15/09/2003 | CCQ2117J |             |           | 6.4        | 4.8         | 5.4     |
| 5   | 2121110117 | Thái Hoàng Chương       | 07/12/2003 | CCQ2111D |             |           | 7.2        | 4.0         | 5.3     |
| 6   | 2121110216 | Nguyễn Huỳnh Hữu Đan    | 14/01/2003 | CCQ2111G |             |           | 9.5        | 7.6         | 8.4     |
| 7   | 2121110390 | Nguyễn Văn Thiên Đạo    | 02/03/2001 | CCQ2111G |             |           | 10.0       | 7.8         | 8.5     |
| 8   | 2121110225 | Nguyễn Việt Dũng        | 20/09/2003 | CCQ2111G |             |           | 10.0       | 8.0         | 8.8     |
| 9   | 2121190096 | Đặng Đình Giang         | 26/02/2003 | CCQ2119C |             |           | 7.5        | 7.2         | 7.3     |
| 10  | 2122110503 | Đinh Thị Hào            | 11/05/2004 | CCQ2211I |             |           | 8.2        | 9.0         | 8.7     |
| 11  | 2121170251 | Nguyễn Văn Hiếu         | 13/09/2002 | CCQ2117H |             |           | 7.6        | 4.6         | 5.8     |
| 12  | 2121110370 | Ngô Sĩ Hòa              | 30/10/2003 | CCQ2111G |             |           | 9.9        | 6.7         | 8.0     |
| 13  | 2121110123 | Lương Văn Hưng          | 14/09/2003 | CCQ2111D |             |           | 6.2        | 6.5         | 6.4     |
| 14  | 2121110086 | Nguyễn Đức Quang Huy    | 18/08/2003 | CCQ2111C |             |           | 7.6        | 5.8         | 6.5     |
| 15  | 2121120375 | Nguyễn Thị Ngân Huyền   | 16/06/1992 | CCQ2113B |             |           | 9.9        | 7.3         | 8.3     |
| 16  | 2121110103 | Lý Tấn Khải             | 30/07/2003 | CCQ2111C |             |           | 8.4        | 9.4         | 9.0     |
| 17  | 2121170332 | Châu Nguyễn Quốc Khánh  | 01/01/2003 | CCQ2117J |             |           | 7.2        | 8.0         | 7.7     |
| 18  | 2121030018 | Phạm Văn Khoa           | 16/07/2003 | CCQ2103A |             |           | 5.0        | 5.1         | 5.1     |
| 19  | 2121180009 | Đặng Trung Kiên         | 09/05/2003 | CCQ2118A |             |           | 8.6        | 6.8         | 7.5     |
| 20  | 2121170303 | Huỳnh Nhật Lâm          | 15/12/2003 | CCQ2117I |             |           | 7.6        | 7.8         | 7.7     |
| 21  | 2121110355 | Phạm Ngô Xuân Hoàng Lộc | 03/12/2003 | CCQ2111D |             |           | 8.4        | 8.0         | 8.2     |
| 22  | 2121110235 | Nguyễn Thảo Minh        | 03/08/1993 | CCQ2111G |             |           | 9.4        | 8.3         | 8.7     |
| 23  | 2121210106 | Hồ Thị Bích Ngọc        | 05/01/2003 | CCQ2121D |             |           | 8.4        | 8.2         | 8.3     |
| 24  | 2121110075 | Nguyễn Thành Nhân       | 28/09/2003 | CCQ2111C |             |           | 8.5        | 8.1         | 8.3     |
| 25  | 2121170575 | Trần Trọng Quý          | 15/11/2003 | CCQ2117Q |             |           | 7.8        | 7.6         | 7.7     |
| 26  | 2121170335 | Đặng Ngọc Sáng          | 02/03/2003 | CCQ2117J |             |           | 7.3        | 8.0         | 7.7     |
| 27  | 2121170096 | Trần Minh Sơn           | 26/04/2003 | CCQ2117C |             |           | 5.6        |             |         |
| 28  | 2121180068 | Huỳnh Thịnh             | 21/09/2003 | CCQ2118B |             |           | 7.8        | 4.8         | 6.0     |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Môn học: Anh văn 3 (22401604)

Ngày thi: 25/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 45

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi: .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

| STT | Mã SV      | Họ và Tên        | Ngày sinh  | Mã lớp    | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|------------------|------------|-----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 29  | 2121110087 | Trần Hữu Thọ     | 04/10/2003 | CCQ2111C  |             | Th        | 6.0        | 7.0         | 6.6     |
| 30  | 2121120389 | Nguyễn Ngọc Minh | 06/12/2003 | CCQ2112L  |             | Th        | 9.0        | 7.2         | 7.9     |
| 31  | 2121030011 | Lê Anh           | 01/12/2003 | CCQ2103A  |             | Anh       | 5.0        | 5.2         | 5.1     |
| 32  | 2121110217 | Nguyễn Thanh     | 20/04/2003 | CCQ2111G  |             | Th        | 9.8        | 7.2         | 8.2     |
| 33  | 2121030033 | Lê Thanh         | 25/05/2003 | CCQ2103A  |             | Thanh     | 8.5        | 6.4         | 7.2     |
| 34  | 2122170173 | Nguyễn Thanh     | 23/12/2003 | CCQ2217E  |             |           | 7.7        |             |         |
| 35  | 2122110365 | Lê Thị Bảo       | 17/11/2004 | CCQ2211J  |             | Lu        | 6.9        | 7.8         | 7.4     |
| 36  | 2122110389 | Trần Huyền       | 05/05/2002 | CCQ2211J  |             | Th        | 9.1        | 9.0         | 9.0     |
| 37  | 2122100229 | Nguyễn Văn       | 14/08/2001 | CCQ2210G  |             | Th        | 8.7        | 8.0         | 8.3     |
| 38  | 2121120651 | Lê Kiều          | 16/05/2002 | CCQ2112B  |             | Th        | 9.8        | 8.2         | 8.8     |
| 39  | 2121110138 | Nguyễn Quốc      | 20/08/2001 | CCQ2111D  |             | Th        | 9.5        | 8.0         | 8.6     |
| 40  | 2121110092 | Thái Minh        | 01/05/2003 | CCQ2111C  |             | Th        | 7.7        | 8.2         | 8.0     |
| 41  | 2121030029 | Lý Đình          | 24/10/2003 | CCQ2103A  |             | Th        | 10.0       | 7.7         | 8.6     |
| 42  | 2121180060 | Phan Quốc        | 19/05/2003 | CCQ2118B  |             | Th        | 8.7        | 7.3         | 7.9     |
| 43  | 2121172008 | Trần Quang       | 08/11/2003 | CCQ2117LA |             | Th        | 6.8        | 4.7         | 5.5     |
| 44  | 2121030031 | Lê Công          | 16/01/2003 | CCQ2103A  |             | Th        | 5.9        | 7.6         | 6.9     |
| 45  | 2121030013 | Huỳnh Long       | 30/08/2003 | CCQ2103A  |             | Th        | 8.3        | 6.2         | 7.0     |
| 46  | 2121030017 | Trần Quốc        | 26/09/2003 | CCQ2103A  |             | Th        | 7.8        | 5.2         | 6.2     |
| 47  | 2121170166 | Nguyễn Ngọc      | 04/08/2003 | CCQ2117E  |             | Th        | 7.2        | 4.3         | 5.5     |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 3 (2022-2023)

18

GVGD: Nguyễn Hà Thanh Vân

Môn học: Anh văn 3 (22401605)

Ngày thi: 25/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 45

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi: .....

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

| STT | Mã SV      | Họ và Tên              | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|------------------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2121130061 | Nguyễn Thị Kiều Anh    | 02/06/2003 | CCQ2113B |             |           | 9.4        | 92          | 93      |
| 2   | 2121130032 | Nguyễn Thị Kim Anh     | 01/03/1996 | CCQ2113B |             |           | 9.3        | 92          | 92      |
| 3   | 2121170014 | Võ Mai Anh             | 28/11/2003 | CCQ2117A |             |           | 9.5        | 94          | 94      |
| 4   | 2121030113 | Nguyễn Tấn Bảo         | 27/03/2003 | CCQ2103D |             |           | 8.0        | 64          | 70      |
| 5   | 2121170002 | Trần Xuân Dự           | 21/03/2003 | CCQ2117A |             |           | 8.5        | 82          | 83      |
| 6   | 2121170001 | Lê Minh Đức            | 23/11/2003 | CCQ2117A |             |           | 8.7        | 95          | 92      |
| 7   | 2121130015 | Trương Thị Mỹ Dung     | 25/12/2003 | CCQ2113A |             |           | 7.8        | 89          | 85      |
| 8   | 2122070032 | Lê Thị Phương Dương    | 05/10/2002 | CCQ2207A |             |           | 9.1        | 86          | 88      |
| 9   | 2121120290 | Nguyễn Thùy Dương      | 26/07/2003 | CCQ2112I |             |           | 6.3        | 54          | 58      |
| 10  | 2121130008 | Lê Anh Duy             | 22/06/2003 | CCQ2113A |             |           | 6.4        | 70          | 68      |
| 11  | 2121100038 | Đặng Thị Hồng Gấm      | 02/03/2003 | CCQ2110B |             |           | 8.4        | 78          | 80      |
| 12  | 2122130111 | Ma Thị Thanh Hiếu      | 05/05/2003 | CCQ2213D |             |           | 7.4        | 89          | 83      |
| 13  | 2122210081 | Nguyễn Thị Quỳnh Hoa   | 16/11/2004 | CCQ2221C |             |           | 8.1        | 82          | 82      |
| 14  | 2121170633 | Nguyễn Văn Hòa         | 19/12/2003 | CCQ2117A |             |           | 9.3        | 91          | 92      |
| 15  | 2121030166 | Lê Sỹ Hoàng            | 22/05/2001 | CCQ2103D |             |           | 7.8        | 62          | 68      |
| 16  | 2121130017 | Huỳnh Thị Hoa Hồng     | 05/08/2003 | CCQ2113A |             |           | 8.1        | 71          | 75      |
| 17  | 2121130006 | Tổng Thị Mỹ Huệ        | 06/06/2003 | CCQ2113A |             |           | 8.5        | 87          | 86      |
| 18  | 2121130054 | Vũ Thị Thu Hương       | 13/05/2003 | CCQ2113B |             |           | 7.4        | 79          | 77      |
| 19  | 2121170021 | Đinh Hồng Huy          | 08/04/2003 | CCQ2117A |             |           | 8.8        | 80          | 83      |
| 20  | 2121170019 | Lê Duy Huy             | 13/05/2003 | CCQ2117A |             |           | 7.8        | 58          | 66      |
| 21  | 2121270055 | Nguyễn Thanh Huy       | 25/09/2002 | CCQ2127B |             |           | 7.7        | 61          | 67      |
| 22  | 2121170015 | Nguyễn Thành Bảo Khang | 15/10/2003 | CCQ2117A |             |           | 8.5        | 96          | 92      |
| 23  | 2121120439 | Lê Thị Tiểu Lam        | 06/09/2003 | CCQ2112M |             |           | 5.4        | 55          | 55      |
| 24  | 2121100272 | Đỗ Thị Mỹ Linh         | 20/06/2003 | CCQ2110H |             |           | 7.5        | 85          | 81      |
| 25  | 2122210111 | Lê Công Lực            | 29/06/2004 | CCQ2221F |             |           | 8.5        | 70          | 76      |
| 26  | 2121170022 | Lưu Ngọc Minh          | 26/12/2003 | CCQ2117A |             |           | 8.3        | 63          | 71      |
| 27  | 2121130055 | Lê Thị Ngọc Nga        | 04/01/2003 | CCQ2113B |             |           | 8.6        | 83          | 84      |
| 28  | 2121130021 | Nguyễn Thị Bích Ngọc   | 24/01/2003 | CCQ2113A |             |           | 6.2        | 85          | 76      |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401605)

Ngày thi: 25/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 45...

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi: .....

| STT           | Mã SV                 | Họ và Tên                        | Ngày sinh             | Mã lớp              | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | D.QT (40%) | D.Thi (60%) | Điểm HP |
|---------------|-----------------------|----------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 29            | 2121170631            | Phạm Thành Nhật                  | 08/08/2003            | CCQ2117A            |             |           | 8.5        | 70          | 76      |
| 30            | 2121130028            | Mai Phương Nhi                   | 06/02/2003            | CCQ2113A            |             | Nhi       | 7.6        | 86          | 82      |
| 31            | 2121120342            | Trần Đặng Quỳnh Như              | 12/02/2003            | CCQ2112J            |             |           | 6.4        | 46          | 53      |
| 32            | 2121130052            | Phạm Thị Hồng Phi                | 13/07/2003            | CCQ2113B            |             |           | 8.3        | 88          | 86      |
| 33            | 2121100260            | Hoàng Thị Bích Phượng            | 23/06/2003            | CCQ2110H            |             |           | 8.8        | 92          | 90      |
| <del>34</del> | <del>2121030121</del> | <del>Nguyễn Văn Sơn</del>        | <del>16/11/2003</del> | <del>CCQ2103D</del> |             |           | 0.0        |             |         |
| 35            | 2122100233            | Hồ Thị Thu Sương                 | 18/10/2002            | CCQ2210G            |             |           | 8.2        | 92          | 88      |
| 36            | 2121040008            | Cao Mẫu Trân Tâm                 | 30/06/2003            | CCQ2104A            |             |           | 8.2        | 88          | 86      |
| 37            | 2122210088            | Lương Thị Hồng Thắm              | 29/06/2004            | CCQ2221F            |             | Thắm      | 8.0        | 73          | 76      |
| <del>38</del> | <del>2121100085</del> | <del>Nguyễn Phạm Hồng Thắm</del> | <del>12/04/2002</del> | <del>CCQ2110C</del> |             |           | 0.0        |             |         |
| 39            | 2122190037            | Lê Thị Kim Tho                   | 27/12/2004            | CCQ2219B            |             |           | 9.0        | 88          | 89      |
| 40            | 2121130042            | Lê Thị Kim Thoa                  | 19/10/2003            | CCQ2113B            |             | Thoa      | 6.5        | 50          | 56      |
| 41            | 2122070035            | Nguyễn Thị Thu Thủy              | 10/11/2004            | CCQ2207A            |             |           | 8.3        | 81          | 82      |
| 42            | 2121030107            | Phan Minh Trí                    | 11/02/2003            | CCQ2103D            |             |           | 6.3        | 70          | 67      |
| 43            | 2122210078            | Trần Công Trí                    | 26/10/2004            | CCQ2221F            |             |           | 9.1        | 63          | 74      |
| 44            | 2121130016            | Trần Thị Minh Tuyết              | 01/04/2003            | CCQ2113A            |             |           | 8.5        | 82          | 83      |
| 45            | 2121130050            | Nguyễn Thị Thảo Vi               | 22/04/2002            | CCQ2113B            |             |           | 8.1        | 78          | 79      |
| 46            | 2121130051            | Trần Thị Tường Vi                | 03/09/2003            | CCQ2113B            |             |           | 7.4        | 82          | 79      |
| 47            | 2121120541            | Lê Thị Hải Yến                   | 05/10/2003            | CCQ2112P            |             |           | 8.6        | 80          | 82      |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

23

GVGD: Phạm Văn Mạnh

P: 16  
H: 5

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Viết 2 (22431901)

Ngày thi: 26/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-31

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

| STT | Mã SV      | Họ và Tên         | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | D.QT (40%) | D.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|-------------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2120240091 | Trần Thị Kim Anh  | 01/01/2002 | CCQ2024D |             |           | 7.5        | ✓           | ✓       |
| 2   | 2121240161 | Trần Thị Tuyết    | 19/06/2003 | CCQ2124F | 04          | Thuyết    | 6.5        | 50          | 56      |
| 3   | 2122240143 | Hoàng Thị Thu     | 22/02/2002 | CCQ2224E | 04          | Thu       | 7.9        | 67          | 72      |
| 4   | 2121200094 | Lê Nguyễn Anh     | 23/11/2002 | CCQ2124F |             |           | 0.0        | ✓           | ✓       |
| 5   | 2121200093 | Lê Nguyễn Hồng    | 16/06/2001 | CCQ2124F |             |           | 0.0        | ✓           | ✓       |
| 6   | 2121240059 | Lê Thị            | 02/10/2003 | CCQ2124B | 04          | Giang     | 8.1        | 29          | 50      |
| 7   | 2120240066 | Nguyễn Thị Thu    | 20/12/2002 | CCQ2024C | 04          | Thu       | 6.5        | 42          | 51      |
| 8   | 2120240100 | Bùi Công          | 18/12/2002 | CCQ2024D | 04          | Tus       | 8.5        | 56          | 68      |
| 9   | 2121240013 | Đào Thị Tuyết     | 02/01/2003 | CCQ2124A | 04          | Tus       | 7.6        | 37          | 53      |
| 10  | 2121240031 | Đào Thị Ngọc      | 07/11/2003 | CCQ2124B | 04          | Hân       | 9.0        | 40          | 60      |
| 11  | 2121240137 | Huỳnh Thùy Quỳnh  | 02/01/2003 | CCQ2124E | 04          | Như       | 6.5        | 67          | 66      |
| 12  | 2121240011 | Võ Thị Bích       | 25/02/2003 | CCQ2124A | 04          | Phượng    | 8.6        | 43          | 60      |
| 13  | 2121170322 | Phan Phú          | 07/05/2003 | CCQ2124F | 04          | Ph        | 8.3        | 47          | 61      |
| 14  | 2122240023 | Nguyễn Trần Ngọc  | 22/12/2004 | CCQ2224A | 04          | Pha       | 8.8        | 58          | 70      |
| 15  | 2120240227 | Hoàng Nguyễn Anh  | 03/03/2002 | CCQ2024G | 04          | Ph        | 5.0        | 30          | 38      |
| 16  | 2122240016 | Nguyễn Thanh      | 12/10/2004 | CCQ2224A | 04          | Thy       | 9.1        | 79          | 84      |
| 17  | 2122240211 | Thân Nguyễn Huyền | 15/04/2004 | CCQ2224C | 04          | Huyền     | 8.3        | 56          | 67      |
| 18  | 2122240088 | Nguyễn Cẩm        | 06/01/2004 | CCQ2224C | 04          | Cam       | 7.0        | 43          | 54      |
| 19  | 2122240018 | Bùi Thị Ngọc      | 31/12/2002 | CCQ2224A | 04          | Nguyen    | 7.5        | 44          | 56      |
| 20  | 2120240119 | Hồ Thị Thanh      | 27/05/2002 | CCQ2024D | 04          | Thanh     | 5.8        | 35          | 44      |
| 21  | 2122240161 | Nguyễn Ngọc       | 17/11/2004 | CCQ2224C | 04          | Nguyen    | 7.0        | 30          | 46      |
| 22  | 2121240029 | Nguyễn Hà         | 12/05/2003 | CCQ2124A | 04          | Hà        | 7.6        | 35          | 51      |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 3 (2022-2023)

(22)

Đ: 19  
H: 02

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

GVGD: *Phường Tiểu Hè*  
Môn học: Viết thương mại (22435601)

Ngày thi: 26/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 21...

Số bài thi: 21...

Số tờ giấy thi: 21...

*Trần Quốc Bảo*

*Phạm Văn Mạnh*

*Phạm Thị Kiều*

| STT           | Mã SV                 | Họ và Tên                       | Ngày sinh             | Mã lớp              | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV     | Đ. QT (40%)    | Đ. Thi (60%) | Điểm HP |
|---------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------|---------------|----------------|--------------|---------|
| <del>1</del>  | <del>2121110334</del> | <del>Trần Thanh Bình</del>      | <del>08/05/2003</del> | <del>CCQ2124F</del> |             |               | <del>3.6</del> |              |         |
| 2             | 2121240061            | Nguyễn Ngọc Diễm                | 11/09/2002            | CCQ2124C            | 01          | <i>Diễm</i>   | 4.6            | 5.8          | 5.3     |
| <del>3</del>  | <del>2122240157</del> | <del>Nguyễn Thị Thúy Hằng</del> | <del>30/03/1999</del> | <del>CCQ2224B</del> |             |               | <del>0.0</del> |              |         |
| 4             | 2122240068            | Nguyễn Thị Ngọc Hiền            | 06/10/2003            | CCQ2224C            | 01          | <i>Hiền</i>   | 9.3            | 9.0          | 9.1     |
| 5             | 2120240154            | Nguyễn Thị Thanh Hòa            | 13/06/2002            | CCQ2024F            | 01          | <i>Hòa</i>    | 5.5            | 7.3          | 6.6     |
| 6             | 2122240077            | Nguyễn Ngọc Kiều Hương          | 05/05/2003            | CCQ2224C            | 01          | <i>Hương</i>  | 8.8            | 8.4          | 8.6     |
| 7             | 2121240004            | Bùi Quốc Hữu                    | 31/01/2003            | CCQ2124A            | 01          | <i>Hữu</i>    | 5.7            | 2.9          | 4.0     |
| 8             | 2120240208            | Trần Nguyễn Minh Khôi           | 01/05/2002            | CCQ2024C            | 01          | <i>Khôi</i>   | 6.0            | 7.9          | 7.1     |
| 9             | 2122240072            | Lê Hoàng Khương                 | 28/05/2001            | CCQ2224C            | 01          | <i>Khương</i> | 9.2            | 9.0          | 9.1     |
| <del>10</del> | <del>2122240097</del> | <del>Ngô Thị Thùy Linh</del>    | <del>28/05/2003</del> | <del>CCQ2224D</del> |             |               | <del>0.0</del> |              |         |
| 11            | 2122240110            | Hoàng Thị Mai                   | 11/10/2001            | CCQ2224D            | 01          | <i>Mai</i>    | 8.3            | 8.6          | 8.5     |
| 12            | 2121240127            | Huỳnh Kim Ngân                  | 09/01/2003            | CCQ2124E            | 01          | <i>Ngân</i>   | 6.7            | 6.2          | 6.4     |
| 13            | 2121240020            | Phạm Thế Nghĩa                  | 10/06/2003            | CCQ2124A            | 01          | <i>Nghĩa</i>  | 7.5            | 8.8          | 8.3     |
| 14            | 2121240048            | Trần Thị Cẩm Nhung              | 08/07/2003            | CCQ2124B            | 01          | <i>Nhung</i>  | 6.6            | 8.0          | 7.4     |
| 15            | 2122240091            | Đỗ Ngọc Như Quỳnh               | 13/04/2004            | CCQ2224C            | 01          | <i>Quỳnh</i>  | 7.8            | 8.3          | 8.1     |
| 16            | 2122240069            | Nguyễn Thị Tú Quỳnh             | 10/04/2003            | CCQ2224C            | 01          | <i>Tú</i>     | 9.2            | 8.6          | 8.8     |
| 17            | 2121240040            | Châu Thị Kim Thoa               | 09/10/2003            | CCQ2124B            | 01          | <i>Thoa</i>   | 7.0            | 7.0          | 7.0     |
| 18            | 2121240121            | Dương Ngọc Anh Thư              | 01/01/2003            | CCQ2124E            | 01          | <i>Thư</i>    | 6.6            | 9.3          | 8.2     |
| 19            | 2122240203            | Đỗ Thị Thủy                     | 11/10/2001            | CCQ2224D            | 01          | <i>Thủy</i>   | 7.5            | 9.4          | 8.6     |
| 20            | 2122240107            | Ông Thị Cẩm Trúc                | 01/05/2004            | CCQ2224D            | 01          | <i>Trúc</i>   | 5.5            | 4.2          | 4.7     |
| 21            | 2121240136            | Huỳnh Yến Tuyết                 | 07/03/2003            | CCQ2124E            | 01          | <i>Tuyết</i>  | 7.8            | 8.3          | 8.1     |
| 22            | 2122240076            | Bùi Thị Tuyền Vi                | 22/10/2004            | CCQ2224C            | 01          | <i>Vi</i>     | 6.2            | 7.2          | 6.8     |
| 23            | 2121240025            | Ngô Thị Hồng Xuyến              | 30/12/2003            | CCQ2124A            | 01          | <i>Xuyến</i>  | 7.5            | 8.0          | 7.8     |
| 24            | 2121240142            | Trần Ngọc Như Ý                 | 30/10/2003            | CCQ2124E            | 01          | <i>Ý</i>      | 7.3            | 7.9          | 7.7     |